

# TIẾP CẬN NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CỦA PHỤ NỮ NÔNG THÔN VÙNG TÂY NAM BỘ

HÀ THỊ THÚY\*

**Tóm tắt:** Bài viết dựa trên phân tích nguồn số liệu định lượng của Dự án điều tra “Thực trạng tiếp cận nguồn lực xã hội của phụ nữ nông thôn” do Học viện Phụ nữ Việt Nam thực hiện năm 2016. Bài viết cho thấy phụ nữ nông thôn hiện nay có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế gia đình là khá cao. Tuy nhiên, họ gặp những khó khăn nhất định trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức, do vậy không ít phụ nữ nông thôn phải phụ thuộc vào mạng lưới tín dụng phi chính thức. Dù với vai trò là người trực tiếp đi vay hay quyết định khoản vay thì phụ nữ vẫn là người thực hiện chính, người chồng gần như ít thể hiện vai trò trong việc vay các khoản vay để trang trải cuộc sống gia đình hay phát triển kinh tế gia đình. Điều này khẳng định vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận với vốn vay, nhưng ở một mặt khác tạo thêm gánh nặng, áp lực công việc cho phụ nữ khi ngoài việc chu toàn công việc gia đình, lại phải chịu thêm áp lực từ việc vay, trả nợ cho gia đình. Từ đó cho thấy cần có chính sách đặc thù hỗ trợ phụ nữ nông thôn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức nhằm giúp họ phát triển kinh tế để nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Từ khóa:** Phụ nữ nông thôn, tiếp cận nguồn vốn tín dụng, tiếp cận nguồn vốn chính thức, tiếp cận nguồn vốn không chính thức.

**Abstract:** The article is based on analyzing qualitative data of the survey “Social resources access situation of rural women” conducted by the Vietnam Women’s Academy in 2016. The article shows that there is a high demand of rural women on getting a loan to develop household economy. However, they encounter difficulties in accessing official sources of credit capital, so many of them are dependent on unofficial sources of credit capital. Women are the only ones in this process, they can decide to ask for a loan or apply for it themselves, while their husbands seem to play no role in accessing a loan for family life or household economic development. That shows the significance of women in accessing loans, but in another aspect, getting loans together with family affair splace more burden and pressure on women. Specific policy to support rural women in accessing official sources of credit capital to develop household economy and improve life quality is needed.

**Keywords:** Rural women, access to credit capital, access to official sources of credit capital, access to unofficial sources of credit capital.

\* Học viện Phụ nữ Việt Nam

## 1. Đặt vấn đề

Là một nước nông nghiệp, dân số khu vực nông thôn ở nước ta chiếm tỷ trọng cao. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2016, nếu tính riêng khu vực nông nghiệp, việc làm trong khu vực này chiếm tới gần 1/2 số việc làm ở Việt Nam. Mặc dù nông nghiệp chỉ đóng góp 16,3% GDP của Việt Nam nhưng có đến 41,9% lực lượng lao động tham gia vào sản xuất nông nghiệp. Ở nông thôn, tỉ lệ phụ nữ làm việc trong nông nghiệp là 63,4%, đóng vai trò quan trọng và chủ chốt trong sản xuất nông nghiệp. Phụ nữ nông thôn đã và đang góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay đời sống của người nông dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng vẫn gặp rất nhiều khó khăn và nghèo khổ bởi thu nhập từ hoạt động nông nghiệp mang lại cho họ không cao. Một trong số rất nhiều nguyên nhân là nông dân Việt Nam nói chung và vùng Tây Nam Bộ nói riêng đều hoạt động trong tình trạng thiếu vốn sản xuất. Chính vì thế tín dụng là chìa khóa để đưa nông dân thoát nghèo. Khi người nông dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng được hỗ trợ tín dụng, đặc biệt là những tổ chức tín dụng chính thức ở nông thôn thì họ sẽ không phải chịu những khoản lãi suất cao và có đủ vốn để đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật để mở rộng sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và cải thiện đáng kể thu nhập.

## 2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với 1440 phụ nữ nông thôn độ tuổi từ 15 - 65 tại 4 tỉnh/thành (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng) thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Mỗi tỉnh/thành khảo sát tại 4 xã thuộc 2 huyện nông thôn. Tại mỗi tỉnh/thành phỏng vấn 360 trường hợp, trong đó mỗi xã phỏng vấn 90 trường hợp.

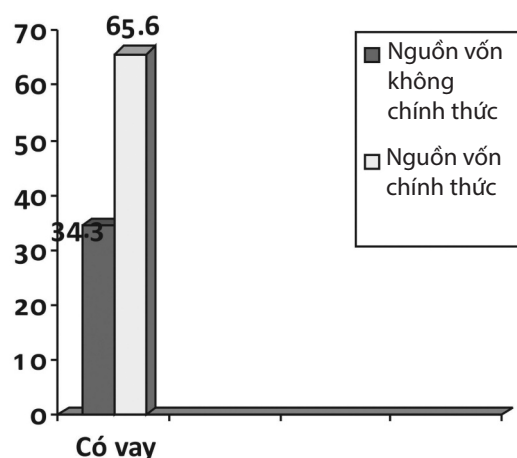
Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý kết quả khảo sát thực tiễn. Các kết quả khảo sát định lượng được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0 dành cho các nghiên cứu khoa học xã hội để đảm bảo được tính khách quan, khoa học.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Tiếp cận nguồn vốn tín dụng của phụ nữ nông thôn

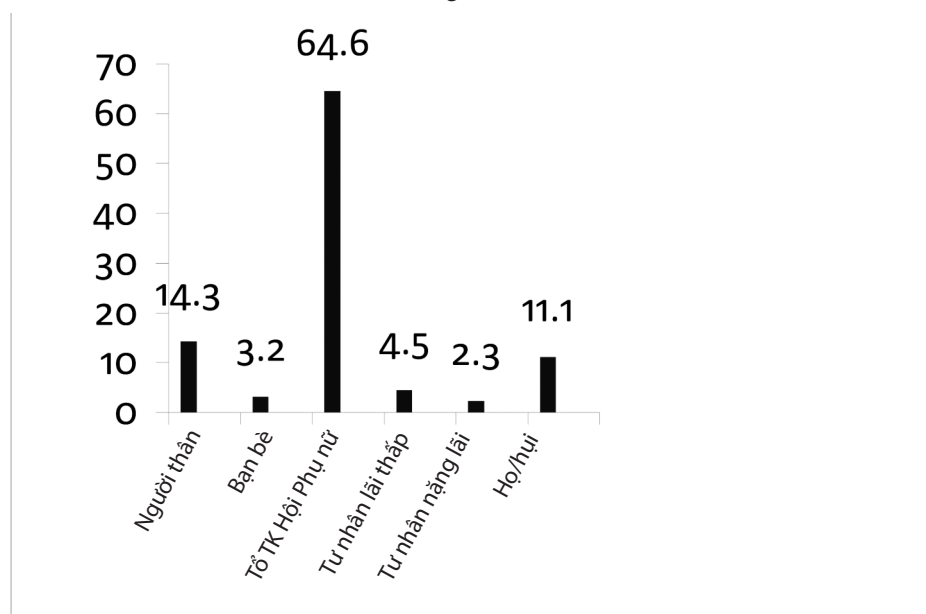
*\* Phụ nữ nông thôn với việc tiếp cận nguồn vốn không chính thức*

Thị trường tín dụng ở nông thôn Việt Nam hiện nay bao gồm thị trường tín dụng chính thức và thị trường tín dụng không chính thức (Phan Đình Khôi, 2012). Kết quả tại 4 địa bàn khảo sát, có đến 65.6% số phụ nữ tiếp cận nguồn vốn chính thức và 34.3% từ nguồn vốn không chính thức. Điều đó chứng tỏ rằng phụ nữ nông thôn có nhu cầu vay vốn hiện nay là khá cao. Tuy nhiên, cho đến nay nhiều phụ nữ nông thôn vẫn gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận với tín dụng chính thức, do vậy họ phải phụ thuộc vào mạng lưới tín dụng phi chính thức ở nông thôn.



Biểu 1: Tiếp cận thị trường tín dụng của phụ nữ nông thôn (tỉ lệ %)

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)



Biểu 2: Phụ nữ nông thôn với việc tiếp cận từ nguồn vốn không chính thức

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

Trong các nguồn vốn không chính thức, phụ nữ tại 4 địa bàn khảo sát vay vốn từ tổ tiết kiệm Hội Phụ nữ cao nhất (chiếm 64.6%). Nguyên nhân này xuất phát từ thực tế về hiệu quả của nguồn vốn này đối với nhiều hoạt động hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo, phát triển kinh tế, ở các cấp Hội Phụ nữ đã được khẳng định từ năm 2010 đến nay. Tổ vốn tiết kiệm là một hình thức góp số tiền tiết kiệm hàng tháng tuy nhỏ nhưng đã giúp cho rất nhiều hội viên phụ nữ thoát nghèo. Trong số phụ nữ vay vốn từ tổ tiết kiệm của Hội Phụ nữ, đa phần là hội viên của

Hội Phụ nữ (chiếm 87.5%). Điều đó cho thấy, việc phụ nữ tham gia Hội Phụ nữ có ảnh hưởng lớn đến việc dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng.

Bảng 1. Phụ nữ nông thôn tham gia các tổ chức công tác - xã hội với việc tiếp cận với nguồn vốn không chính thức (tỉ lệ %)

Các tổ chức công tác - xã hội	1. Người thân	2. Bạn bè	3. Tổ TK Hội PN	4. Tư nhân (lãi thấp hoặc không lãi)	5. Tư nhân nặng lãi	6. Họ/hụi	Tổng
1. Không tham gia tổ chức nào	4.4	0.6	3.6	1.4	0.3	2.5	10.6
2. Tham gia Hội Phụ nữ	9.7	2.8	68.6	3.9	2.5	9.2	87.5
3. Tham gia Hội Nông dân	0.8	0.6	4.4	0	0	0.6	5.6
4. Tham gia Hội Cựu chiến binh	0	0	0.3	0	0	0	0.3
5. Tham gia Đoàn Thanh niên	1.1	1.1	1.1	0	0	0.6	2.8

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

Một thực tế rất cần được quan tâm là có đến 1/10 (chiếm 11.1%) tỉ lệ phụ nữ nông thôn đã/đang đi vay từ nguồn vay họ/hụi. Đây là loại hình tín dụng tập hợp một nhóm người họp mặt định kỳ để góp một số tiền nhất định vào quỹ chung nhằm phân phối cho từng thành viên trong nhóm mỗi người một lần; nguyên tắc phân phối số tiền góp chung có thể là thỏa thuận, ngẫu nhiên (bằng bốc thăm) hay đấu thầu. Do hình thức họ/hụi mang lại lợi ích cao hơn tự tiết kiệm và gửi ngân hàng nên các cá nhân sẽ có động cơ tập hợp với nhau để nhanh chóng có được số tiền đủ để sử dụng cho một mục đích nào đó. Chính vì thế rủi ro từ nguồn vốn vay này đối với phụ nữ nông thôn là khá cao. Trong thực tế, không ít phụ nữ đã đẩy gia đình và bản thân vào chỗ điều đứng khi tham gia loại hình tín dụng này.

Chỉ với 2.3% phụ nữ là vay từ tư nhân nặng lãi cũng cho thấy vẫn còn một số ít phụ nữ nông thôn tiếp cận rất khó khăn các nguồn vốn vay với lãi suất thấp và trong những trường hợp đặc biệt họ đành phải đi vay từ những nguồn vay với lãi suất rất cao để trang trải cuộc sống gia đình hay đầu tư kinh doanh. Trong số phụ nữ nông thôn vay từ nguồn vốn vay không chính thức, có đến gần một nửa phụ nữ nông thôn tham gia khảo sát (42.8%) sử dụng nguồn vốn vay này nhằm mục đích để mở rộng sản xuất chăn nuôi, kinh doanh, tiếp đến là để sinh hoạt hằng ngày (23.4%) và chỉ có rất ít phụ nữ vay để chăm sóc sức khỏe (4.0%).

Bảng 2. Phụ nữ nông thôn với việc sử dụng nguồn vốn vay không chính thức

Mục đích thực tế	Tỉ lệ %
1. Để sinh hoạt hàng ngày	23.4
2. Để cho con học hành	11.5
3. Để sửa/xây nhà	14.9
4. Để chăm sóc sức khỏe	4
5. Để mở rộng sản xuất chăn nuôi, kinh doanh	42.8
6. Để đầu tư khác	3.4

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

*\* Phụ nữ nông thôn với việc tiếp cận nguồn vốn chính thức*

Tại Việt Nam, tầm quan trọng của tín dụng cho nông dân được thừa nhận rõ ràng trong các chính sách của Chính phủ liên quan tới việc cung cấp tín dụng. Tín dụng chính thức được cung cấp cho các hộ gia đình nông thôn thông qua hai ngân hàng quốc doanh chính: Ngân hàng Chính sách Xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Trong khi Ngân hàng NN&PTNT hoạt động trên cơ sở thương mại thì Ngân hàng CSXH hoạt động giống một tổ chức tài chính vi mô và được coi như một công cụ chính sách xã hội chính trong việc tiếp cận đến những người nghèo ở nông thôn. Ngân hàng CSXH cung cấp những chương trình cung cấp chương trình vay ưu đãi với lãi suất thấp (đôi khi bằng 0) cho những hộ gia đình mục tiêu bao gồm người nghèo, hoàn cảnh khó khăn hay người tàn tật.

Nguồn vốn tín dụng chính thức mà phụ nữ tại 4 địa bàn khảo sát có thể tiếp cận bao gồm vốn từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ Tín dụng nhân dân (TDND), hoạt động tài chính vi mô của Hội Phụ nữ, nguồn vốn chính thức từ các đoàn thể. Kênh tín dụng này ở nông thôn được cho là cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận tín dụng của hộ gia đình nói chung và của phụ nữ nói riêng.

Kết quả cho thấy, trong số phụ nữ vay vốn từ nguồn vốn chính thức, số phụ nữ vay vốn tại Ngân hàng CSXH là cao nhất (chiếm đến 55.4%), có 23.9% số phụ nữ vay từ Ngân hàng NN&PTNT và còn lại vay từ nguồn vốn tài chính vi mô của Hội Phụ nữ, quỹ TDND, từ các đoàn thể. Sở dĩ nhiều hộ muốn vay tại Ngân hàng CSXH hơn vì họ được hưởng lãi suất ưu đãi cho dù là vay cho mục đích sản xuất nông nghiệp hay vay cho con đi học đại học hoặc cao đẳng. Mặt khác, khi vay tại Ngân hàng CSXH, các hộ gia đình được sự giúp đỡ, bảo lãnh của các đoàn thể như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh xã nên dễ dàng trong việc tiếp cận nguồn vốn hơn.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là một trong 4 tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác vốn vay ưu đãi, hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách giữa Ngân hàng CSXH với Hội LHPN Việt Nam đã giúp hàng chục triệu lượt phụ nữ có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nhanh nhất với nguồn vốn ưu đãi. Hoạt động ủy thác qua tổ chức Hội Phụ nữ ngày càng phát triển cả quy mô lẫn chất lượng, tính chuyên nghiệp trong hoạt động ủy thác được nâng cao.

Bảng 3. Phụ nữ với việc tiếp cận từ nguồn vốn chính thức (tỉ lệ %)

Mục đích sử dụng	Các nguồn vốn chính thức				
	1. Ngân hàng NN&PTNN	2. Ngân hàng CSXH	3. Quỹ TDND	4. Hoạt động TCVM của Hội PN	5. Nguồn vốn chính thức từ các ĐT
1. Để sinh hoạt hằng ngày	1.3	5.5	0.5	0.9	0.4
2. Để cho con học hành	2.2	10.2	0.8	0.8	0.2
3. Để sửa/xây nhà	3.5	10.5	0.3	1.0	0.9
4. Để chăm sóc sức khỏe	0.3	1.0	0.1		
5. Để mở rộng sản xuất	15.6	27.6	3.1	10.0	1.4
6. Để đầu tư khác	1.0	0.7		0.3	
Tổng số	23.9	55.4	4.8	12.9	3.0

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

Với tỉ lệ 12.9% số phụ nữ khảo sát vay vốn từ tổ chức Tài chính vi mô của Hội LHPN Việt Nam, cho thấy đây cũng là nguồn mà phụ nữ, hội viên phụ nữ có thể tiếp cận khi có khó khăn cần huy động đến nguồn vốn phát triển kinh tế gia đình. Đến nay, tổ chức Tài chính vi mô TNHH Một thành viên Tỉnh Thương (TYM) được công nhận là Tổ chức Tài chính vi mô xuất sắc nhất Chương trình CMA 2013 bởi những đóng góp cho các thành viên và ngành tài chính vi mô trong 20 năm qua. TYM được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập năm 1992 nhằm góp phần thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo của Chính phủ và là Tổ chức Tài chính vi mô đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép thành lập vào năm 2010. Qua 20 năm hoạt động, TYM đã không ngừng cải tiến dịch vụ, sản phẩm, mang lại sự thuận tiện và những sản phẩm phù hợp cho thành viên. Đến nay, TYM đã phát hơn 1 triệu món vay, giúp hơn 100.000 thành viên thoát nghèo.

Khác với Ngân hàng CSXH, Quỹ Tín dụng nhân dân lại cho các hộ vay trực tiếp không thông qua các tổ chức đoàn thể vì vậy chỉ có 4.8% số phụ nữ nông thôn vay từ nguồn này.

Cũng giống như vay từ nguồn tín dụng không chính thức, phụ nữ vay vốn từ nguồn tín dụng chính thức đa phần sử dụng vào mục đích để mở rộng sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên tỉ lệ này

cao hơn so với vay từ nguồn tín dụng không chính thức (57.7% so với 42.8%). Một sự khác biệt khá rõ nét, chiếm tỉ lệ đáng kể (23.4%) phụ nữ vay vốn từ nguồn tín dụng không chính thức để sinh hoạt hằng ngày thì vay từ nguồn chính thức sử dụng cho mục đích này là khá ít (8.6%).

Bảng 4. Phụ nữ nông thôn với việc sử dụng nguồn vốn vay chính thức

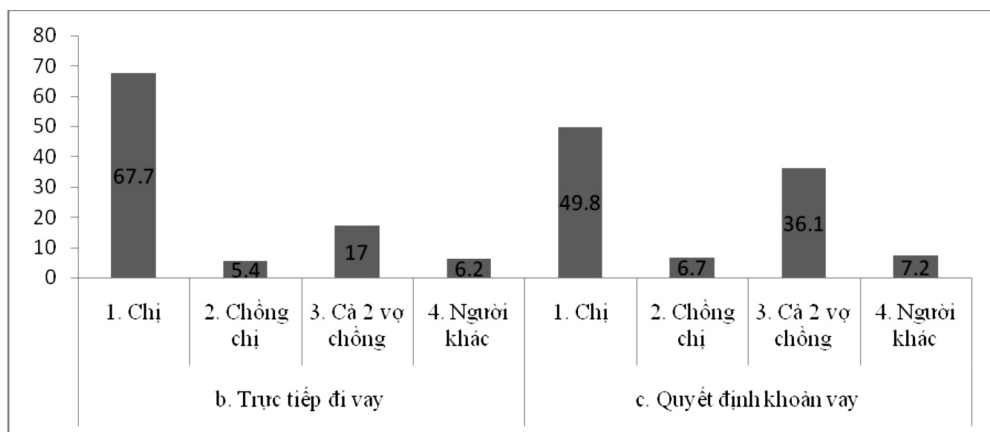
Mục đích thực tế	Tỉ lệ %
1. Để sinh hoạt hàng ngày	8.60
2. Để cho con học hành	14.20
3. Để sửa/xây nhà	16.20
4. Để chăm sóc sức khỏe	1.40
5. Để mở rộng sản xuất chăn nuôi, kinh doanh	57.70
6. Để đầu tư khác	2.00

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

### 3.2. Vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng

Nghiên cứu tại các vùng nông thôn trên cả nước ở những thời điểm khác nhau đều chỉ ra rằng trong các công việc đã có sự bàn bạc giữa hai vợ chồng, nhưng việc ra quyết định chính vẫn là do người chồng. Tuy nhiên khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng tại 4 tỉnh khảo sát, vai trò của phụ nữ lại được khẳng định rõ.

Kết quả khảo sát cho thấy, dù với vai trò là người trực tiếp đi vay hay quyết định khoản vay thì phụ nữ vẫn là người thực hiện chính, người chồng gần như ít thể hiện vai trò trong việc vay các khoản vay để trang trải cuộc sống gia đình hay phát triển kinh tế gia đình (phụ nữ là người quyết định khoản vay và đi vay vốn là 48% và 61.7% trong khi đó nam giới chỉ có 5.8% và 5.7%).



Biểu 3: Vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng (tỉ lệ %)

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)



Chiếm tỉ lệ 1/3 (36.1%) số phụ nữ tham gia khảo sát khẳng định khi bàn bạc để thống nhất quyết định các khoản vay đều có sự tham gia của cả hai vợ chồng, nhưng đến khi trực tiếp đi vay thì hầu hết đều là phụ nữ (67.7%). Điều đó cho thấy rằng, phụ nữ nông thôn hiện nay là người chịu trách nhiệm chính lo toan cuộc sống gia đình. Thực tế trong những năm gần đây, tại khu vực nông thôn phụ nữ là lực lượng quan trọng trong quá trình chuyển hướng sản xuất, chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng cho phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình cũng như điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Đồng thời, nhiều chị em còn quán xuyến và lo toan kinh tế gia đình thay cho chồng đi làm ăn kiếm sống bên ngoài để tăng thu nhập cho gia đình. Do vậy, người phụ nữ nông thôn ngày càng có tiếng nói quyết định trong nhiều hoạt động của đời sống gia đình. Một nghiên cứu của Đỗ Thị Lệ Hằng (2008) cho thấy: ngân sách chi tiêu hàng ngày chủ yếu là do người vợ đảm nhiệm, chiếm đến 76.3%, trong khi đó cả hai vợ chồng cùng quản lý là 11% và người chồng quản lý ngân sách này chỉ chiếm 4.2%. Kết quả đó càng khẳng định thực tế hiện nay ở nông thôn, vấn đề quản lý chi tiêu gia đình thuộc về người phụ nữ.

Hầu hết phụ nữ vẫn là người quyết định và đi vay chính ở tất cả các nguồn vốn dù là nguồn vốn chính thức hay không chính thức. Họ có thể vay mượn vốn qua bạn bè, gia đình và cũng có thể vay tư nhân. Đối với gia đình bên vợ, hàng xóm hay các nhóm hội họ... nam giới thường có tâm lý ngại nên ít trực tiếp vay vốn từ những địa chỉ này. Còn với phụ nữ họ có thể mạnh trong việc vay vốn qua các kênh không chính thức như gia đình, hàng xóm, láng giềng, bạn bè, hội họ và các kênh chính thức qua Hội Phụ nữ. Đặc biệt trong quá trình tiếp cận với nguồn vốn chính thức phụ nữ chiếm tỉ lệ cao hơn từ việc quyết định khoản vay đến trực tiếp đi vay so với tiếp cận nguồn vốn không chính thức (51.7% và 73.7% so với 48.0% và 61.7%). Điều đó khẳng định vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận với vốn vay, nhưng đồng thời, ở một mặt khác, tạo thêm gánh nặng, áp lực công việc cho phụ nữ khi ngoài việc chu toàn công việc gia đình, lại phải chịu thêm áp lực từ việc vay, trả nợ cho gia đình.

Bảng 5. Vai trò của phụ nữ trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng (tỉ lệ %)

Nguồn vốn tín dụng	b. Trực tiếp đi vay				c. Quyết định khoản vay			
	1. Chị	2. Chồng chị	3. Cả 2 vợ chồng	4. Người khác	1. Chị	2. Chồng chị	3. Cả 2 vợ chồng	4. Người khác
Nguồn vốn tín dụng	67.7	5.4	17.0	6.2	49.8	6.7	36.1	7.2
Nguồn vốn không chính thức	61.7	5.4	24.0	9.0	48.0	5.8	36.2	10.0
Nguồn vốn chính thức	73.7	5.4	10.1	3.4	51.7	7.6	36.1	4.5

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)



### 3.3. Khó khăn của phụ nữ trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng

Theo kết quả, dù đã có các chính sách ưu đãi, ngân hàng cũng nhập cuộc cho vay vốn, nhưng vẫn còn tỉ lệ đáng kể chiếm đến 1/3 (30.4%) phụ nữ nông thôn còn gặp khó khăn trong khi tiếp cận vốn vay.

Trong số phụ nữ gặp khó khăn trong tiếp cận vốn tín dụng, chiếm tỉ lệ cao nhất (11.8%) nhận thấy thủ tục phức tạp trong quy định về vay vốn cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến sự tiếp cận tín dụng của phụ nữ nông thôn đặc biệt phụ nữ nông thôn có trình độ thấp. Hiện nay không chỉ có phụ nữ nông thôn cần vốn mà người dân nói chung cũng rất cần vốn để phát triển kinh tế, tuy nhiên quy định của các tổ chức tín dụng chính thức là phải có tài sản thế chấp để được vay vốn ảnh hưởng rất lớn đến việc tiếp cận nguồn vốn của người dân. Phải chăng các chính sách cho vay hiện nay để phù hợp với thực tiễn, đặc biệt với đối tượng là nông dân thường vay những món nhỏ, nên cần quy định khoản vay giá trị bao nhiêu không cần tài sản thế chấp. Các ngân hàng địa phương cần tạo mọi điều kiện về thủ tục, hướng dẫn nông dân để họ nắm bắt được chủ trương của Nhà nước và các quy định tổ chức tín dụng để tiếp cận được nguồn vốn.

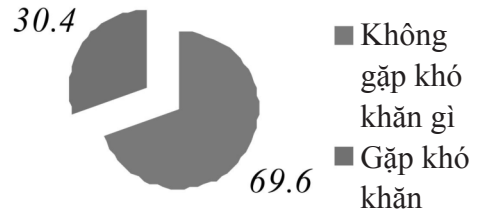
Bên cạnh đó vẫn còn đến 10.0% cho rằng thời gian cho vay cũng là một trong các yếu tố có ảnh hưởng tới sự tiếp cận tín dụng của họ. Đa số phụ nữ đó đều cho rằng thời gian cho vay của tất cả các tổ chức tín dụng đều ngắn, gây khó khăn cho gia đình khi quay vòng vốn.

Kết quả khá tích cực đối với nông dân nói chung và đối với phụ nữ nông thôn nói riêng là khi chỉ có 3.4% tỉ lệ phụ nữ cho rằng mức lãi suất hiện nay từ nguồn vốn vay còn cao.

Bảng 6. Khó khăn của phụ nữ trong việc tiếp cận vốn tín dụng

Các khó khăn của phụ nữ trong việc tiếp cận vốn tín dụng	Tỉ lệ %
1. Thủ tục phức tạp, không đủ điều kiện	11.8
2. Lãi suất cao	3.4
3. Không hiểu biết về thủ tục	3.8
4. Mức vay thấp	8.4
5. Thời hạn vay ngắn	10.0

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)



Biểu 4: Tỉ lệ phụ nữ nông thôn gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng (tỉ lệ%)

Nguồn: Học viện Phụ nữ Việt Nam (2016)

## Kết luận

Các phát hiện từ Dự án điều tra “Thực trạng tiếp cận nguồn lực xã hội của phụ nữ nông thôn” thực hiện năm 2016 cho thấy tỉ lệ phụ nữ nông thôn hiện đang tiếp cận các nguồn vốn là khá cao, trong đó có đến 2/3 số phụ nữ khảo sát đang tiếp cận nguồn vốn chính thức và 1/3 từ nguồn vốn không chính thức. Ở cả vai trò là người đi vay hay quyết định khoản vay phụ nữ vẫn là người thực hiện chính. Trong quá trình tiếp cận nguồn vốn tín dụng, vẫn còn tỉ lệ đáng kể phụ nữ nông thôn gặp những khó khăn nhất định như thủ tục phức tạp trong quy định về vay vốn, thời gian cho vay ngắn, mức vay thấp... Do vậy, để tăng cường việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng của phụ nữ nông thôn rất cần có những giải pháp hỗ trợ phụ nữ nông thôn vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh.

## Tài liệu tham khảo

1. DERG, CIEM, CAP. (2011). *Báo cáo Tính hiệu lực của tín dụng để cải thiện mục tiêu: loại hình cho vay có ý nghĩa gì không?*
2. Đỗ Thị Lệ Hằng. (2008). *Ứng xử giữa vợ chồng trong hoạt động kinh tế và quản lý ngân sách sinh hoạt gia đình*. Tạp chí Tâm lý học số 7 (112).
3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. (2015). *Báo cáo tình hình hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam năm 2015*.
4. Nguyễn Phương Lê, Nguyễn Mậu Dũng. (2011). *Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức của hộ nông dân ngoại thành Hà Nội: Nghiên cứu điển hình tại xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ*. Tạp chí Khoa học và Phát triển 2011: Tập 9, số 5: 844-852. Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
5. Phan Đình Khôi. (2012). *Tín dụng chính thức và không chính thức ở Đồng bằng sông Cửu Long: Hiệu ứng tương tác và khả năng tiếp cận*. Kỷ yếu khoa học 2012, Đại học Cần Thơ.
6. Tổng cục Thống kê. (2016). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2016*.
7. Học viện Phụ nữ Việt Nam. (2016). *Báo cáo Dự án điều tra: Thực trạng tiếp cận nguồn lực xã hội của phụ nữ nông thôn*.